TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: Ly hôn giữa
chị Ng, anh Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi
2. Ông Tống Xuân Tú

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình
Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị N, anh T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2016 tại UBND xã H, huyện H; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu đi làm, không quan tâm đến vợ con, chị đã cho anh T nhiều cơ hội để anh T thay đổi nhưng vẫn không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2017, ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị N kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2016 tại UBND xã H, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị N có đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con, nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2017, ly hôn anh xin nhận nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Anh T đăng ký nhân khẩu tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị N, anh T đều có mặt, Hội đồng xét xử xét xử có mặt các đương sự là đúng với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 08-6-2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được các giải pháp để đoàn tụ gia đình; mặt khác anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm đến nhau; trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn. Như vậy thấy rằng vợ chồng chị N, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị N, anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh V; chị N có nguyện vọng nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con, anh T cũng có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị N, chị N chứng minh được thu nhập ổn định hàng tháng để đảm bảo việc nuôi con, vì vậy cần giao con chung Nguyễn Thị Khánh V cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 28/6/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003594 ngày 03-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị N đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác